TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:146/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3390/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Anh DNS, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Chị NTN, sinh năm 1988; ĐKHKTT: Thôn D, xã E, huyện C, thành phố Hải Phòng; hiện sinh sống tại: F, Cộng hòa Liên bang Đức; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh DNS trình bày:

Anh và chị NTN quen biết nhau từ nhỏ do hai nhà ở gần nhau. Năm 2011, chị NTN sang Cộng hòa Séc sinh sống nhưng anh và chị NTN vẫn thường xuyên liên lạc và tìm hiểu nhau. Năm 2016, chị NTN về Việt Nam, anh chị đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/11/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau một thời gian tại Việt Nam rồi chị NTN trở lại Cộng Hòa Séc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, chị NTN thường xuyên về Việt Nam thăm anh nhưng đến

cuối năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh không còn tin tưởng vào tình cảm của chị. Anh không có ý định sang Cộng Hòa Séc đoàn tụ với chị và chị NTN cũng không có ý định về Việt Nam sinh sống cùng anh. Khi mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng thì chị NTN sang Công hòa Liên bang Đức sinh sống, còn anh vẫn ở Việt Nam. Do thời gian xa cách lâu, hai vợ chồng mỗi người ở một nơi nên vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh DNS xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị NTN.

Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị NTN trình bày phù hợp với lời khai của anh DNS về việc kết hôn, quan hệ hôn nhân và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay, chị xác định vợ chồng mỗi người một nơi, không có khả năng đoàn tụ nên anh DNS có đơn xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh DNS được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh DNS không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị NTN đang ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn là anh DNS vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn chị NTN vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời chị ủy quyền cho anh DNS nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Đơn của chị NTN được xác nhận bởi Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh DNS có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với chị NTN. Anh DNS cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng, chị NTN cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức. Anh chị đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị NTN là bị đơn đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do chị đang

ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị NTN.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh DNS và chị NTN kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng vào ngày 18/11/2016. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Anh DNS và chị NTN thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau, sống xa nhau, mỗi người một nơi nên không có sự chia sẻ về mặt tình cảm, không còn có sự quan tâm đến nhau. Đến nay, anh chị xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh DNS và chị NTN đề nghị ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh DNS và chị NTN.

[5] Về con chung và tài sản chung: Anh chị thống nhất khai không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh DNS là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh DNS và chị NTN được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh DNS.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh DNS được ly hôn chị NTN.

2. Về con chung: Anh DNS và chị NTN khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh DNS và chị NTN khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh DNS phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001982 ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, anh DNS đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh DNS được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị NTN (vắng mặt) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thanh Vân